

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **149/2025/DS - ST**
Ngày: 19/6/2025
“*V/v: Tranh chấp vay tài sản, BTTH
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đăng Khoa.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Khánh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông
– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Vay tài sản và bồi thường thiệt hại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Trọng K, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ C, khu phố D, phường T, Tp ., tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: D khu phố H, phường H, Tp ., tỉnh Đồng Nai.

(Ông K có mặt, ông T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông K trình bày như sau:*

Ông Nguyễn Ngọc T là cộng tác viên bán điện thoại, laptop và xe mô tô cho tôi. Vào ngày 25/3/2023, tại nhà của ông T, tôi và ông T đã thống nhất rằng ông T đang nợ tôi tổng tài sản trị giá 72.500.000 đồng (bao gồm tiền mặt, điện thoại, laptop - đã đưa nhiều lần trước đó tại nhiều địa điểm khác nhau). Thời hạn trả nợ là ngày 02/4/2023.

Vào tối ngày 29/3/2023, tôi và ông Nguyễn Ngọc T gặp nhau tại một quán cà phê thuộc phường H. Qua trao đổi, ông T biết tôi có chiếc xe Yamaha R15 cần bán nên ông T ngỏ ý xin mang xe đi chào khách với giá 42 triệu đồng, nếu bán được giá cao hơn thì ông T sẽ được hưởng phần chênh lệch.

Khoảng 9h ngày 30/3/2023, tôi nhờ ông T qua nhà anh rể tôi tại khu phố D, phường T lấy xe và đưa đến quán cà phê thuộc khu phố A, phường H giúp tôi. Tại đây, tôi cho ông T xem xe và thống nhất giá là 42 triệu đồng; nếu bán cao hơn thì ông T hưởng phần chênh lệch. Tôi đã giao xe và giấy tờ cho ông T mang đi, nếu có khách thì xem xe luôn.

Ngày 02/4/2023, ông T trả cho tôi 15.000.000 đồng qua chuyển khoản vào tài khoản T2 số 19031215456025 – Lâm Trọng K1, và còn nợ lại 57.500.000 đồng, đồng

thời đang giữ chiếc xe R15 của tôi.

Ngày 03/4/2023, tôi có khách hỏi mua xe nên liên hệ yêu cầu ông T trả lại xe. Nhưng ông T không trả xe và cũng không bán xe như thoả thuận mà ông T mang xe đi cầm cố để lấy tiền trả nợ cho tôi 15.000.000đ.

Vì chưa nhận lại được xe và ông T vẫn còn nợ tiền, nên ngày 10/5/2023, tôi đã đến nhà ông T yêu cầu ông T viết giấy xác nhận nợ số tiền còn nợ 57.500.000 đồng và ông T phải chuộc lại chiếc xe giao trả cho tôi.

Đến ngày 05/7/2023, do không nhận được tài sản như đã hứa và không liên lạc được với ông T, tôi đã đến Công an phường H gửi đơn tố cáo ông T có dấu hiệu lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Ngày 22/8/2023, Công an phường có trả lời bằng văn bản, sau khi nghiên cứu hồ sơ và phân loại tin báo, xác định đây là quan hệ giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm, và đề nghị tôi gửi đơn ra Tòa án để giải quyết. Trên biên bản làm việc cũng ghi nhận tôi đồng ý nhận lại xe, nếu ông T giao xe tại Công an phường. Ông T hẹn giao xe lúc 16h30 tại Công an phường, nhưng đến 18h vẫn không mang xe đến mà lại cố tình mang xe đến nhà tôi lúc khoảng 20h30 cùng ngày. Hôm sau, khi kiểm tra xe, tôi đã liên hệ ông T để thông báo về thiệt hại của chiếc xe và đề nghị ông T mua lại với giá 24.000.000 đồng (theo giá cửa hàng thu mua) và bồi thường thêm 10.000.000 đồng do xe bị hao mòn, hư hỏng và rớt giá sau hơn 4 tháng bị cầm cố (từ 01/4/2023 đến 22/8/2023). Tuy nhiên, ông T không đồng ý, không chịu trách nhiệm.

Kể từ đó đến nay, ông T luôn trốn tránh, mặc dù tôi đã nhiều lần đến nhà tìm kiếm và liên lạc, gây cho tôi nhiều khó khăn về kinh tế.

Do vậy, nay tôi làm đơn này kính mong Quý Tòa xem xét và giải quyết, yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Thanh thanh T1 cho tôi các khoản sau:

- 57.500.000 đồng tiền vay nợ.
- 10.000.000 đồng tiền hao mòn và thiệt hại do xe bị giữ quá lâu.

Tổng cộng: 67.500.000 đồng.

** Theo bản tự khai ngày 13/6/2025, ông Nguyễn Ngọc T trình bày như sau:*

Ông đồng ý với yêu cầu của ông Lâm Trọng K, sẽ trả lại số tiền 67.500.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa trả được và xin ông K xem xét. Ông không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì cho vụ án. Ngoài ra, do đi làm ăn xa nên ông T làm đơn xin vắng mặt tại các phiên xét xử.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, của Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn trả số tiền cho nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đi làm ăn xa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ đơn khởi kiện,

lời khai và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn là ông Lâm Trọng K, đây là tranh chấp vay tài sản và tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng, phát sinh từ việc ông Nguyễn Ngọc T nhận nợ tiền và giữ xe máy của nguyên đơn không đúng cam kết và gây thiệt hại hao mòn xe. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và quan hệ pháp luật tranh chấp “*Vay tài sản và tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng*”.

[3] *Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự:*

Xét lời khai, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giấy xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 57.500.000 đồng và chiếc xe Yamaha R15 Biển số 60F2-744.64 bị đơn cam kết sẽ chuộc xe để trả cho ông K nhưng đến tháng 7/2023, bị đơn ông T vẫn không thực hiện như cam kết. Sau đó, ngày 22/8/2023, ông T mang xe về giao trả cho ông K nhưng chiếc xe đã hư hỏng, hao mòn, xuống giá sau hơn 4 tháng bị cầm cố. Tại đơn khởi kiện ông K yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng cho phần thiệt hại này. Tại phiên tòa, qua phân tích của Hội đồng xét xử và xem xét hoàn cảnh khó khăn của bị đơn nên ông K chỉ yêu cầu bồi thường 5.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện của ông K phù hợp quy định pháp luật, có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. cần buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lâm Trọng K số tiền và bồi thường thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng tổng cộng 62.500.000đ.

[4] *Về án phí:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo số tiền phải thanh toán là 62.500.000 đồng x 5% = 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 91, 147, 227, 228 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Trọng K.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải thanh toán cho ông Lâm Trọng K tổng số tiền 62.500.000 đồng (Sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đối với số tiền chậm trả.

Về án phí: Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.687.500đ (Một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai án phí, lệ phí Tòa án số 0003622 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp . Biên Hòa. Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo số tiền phải thanh toán là 62.500.000 đồng x 5% = 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn

đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Thu Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOA